

XUNG QUANH VẤN ĐỀ TÔN GIÁO

Đặng Nghiêm Vạn^(*)

1. Đã gần hai thế kỉ, đặc biệt trong nửa thế kỉ nay, với xu thế toàn cầu hoá gia tăng, với sự khẳng định giá trị của những nền văn minh ngoài Châu Âu, với tư tưởng và phương pháp tiếp cận tiến bộ, trong đó đáng kể có chủ nghĩa Mác-Lênin, với thuyết tương đối văn hoá hiện đại, tình trạng thế giới hoá những khái niệm văn hoá *đặc thù* Châu Âu trong lĩnh vực khoa học xã hội và con người đã và đang chấm dứt. Điều này đã được C.Mác nhận xét rất rõ ràng trong các tác phẩm của mình, đặc biệt trong bản nháp nổi tiếng *Những hình thức có trước sản xuất tư bản chủ nghĩa*⁽¹⁾. Hồ Chí Minh là một trong những người đầu tiên nhận thức ra vấn đề trọng đại nói trên trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ* (1924)⁽²⁾ làm ngạc nhiên nhiều học giả Đông, Tây khi biết đến.

Đặc biệt trong vấn đề tôn giáo, C. Mác đã nhìn nhận ra ở phương Đông, với phương thức sản xuất Châu Á, quyền sở hữu tối cao nằm trong tay một người sở hữu duy nhất "một phần là ông vua chuyên chế phương Đông có thực, một phần là một nhân vật tưởng tượng của bộ lạc tức Thượng Đế"⁽³⁾, mà ta thường gọi là con trời hay ông vua - thần, vừa cai quản cả phần hồn và phần xác, cả cộng đồng người sống lẫn người chết trong phạm vi lãnh thổ của ông trị vì. Như vậy, C. Mác đã thấy tôn giáo ở đây khác ở phương Tây với một Đấng Sáng Thế. Hồ Chí Minh lại cũng thấy điều đó từ năm 1923 trong buổi tiếp chuyện nhà thơ Ôxip Mandenxtam: "Người dân An Nam..., không có tôn giáo theo cách nghĩ của Châu Âu"⁽⁴⁾. Gần đây, Phạm Văn Đồng cũng có một nhận thức như vậy⁽⁵⁾.

2. Thật ra, thuật ngữ *religion* được dịch là *tôn(g) giáo* chỉ trở thành một thuật ngữ chỉ chung cho các tôn giáo khác nhau, khi con

người hay một cộng đồng biết đến hai tôn giáo hình thức khác nhau, đối lập nhau hay thuộc những nền văn minh tương đối xa lạ. Thực vậy, ban đầu thuật ngữ *religio* (tiếng Latinh) được Cicéron (106-43) cho là bắt nguồn từ động từ *legere, relegere* là khâu lược, lại khâu lược. Ý kiến này ra đời trong tình hình các quốc gia với hình thức tôn giáo của mình, với điện thần dân tộc tính chất na ná giống nhau của thế giới mà Cicéron được biết. Nó phản ánh một nhu cầu của cộng đồng dân tộc dường như tất yếu của xã hội đương thời muốn mở rộng cái thế giới hữu hình sang thế giới vô hình với những thần linh, những nửa-thần, những ma quỷ v.v... của dân tộc.

Sau khi đạo Kitô xuất hiện, với yêu cầu cần có một tôn giáo của đế chế La Mã, xoá bỏ các tôn giáo dân tộc cổ đại, theo gót Tertullien (155-220), rồi Lactance (260-325), các học giả Kitô giáo và sau này ảnh hưởng của nền văn minh Kitô, nghiêng về nội dung là *ligare*,

*. Giáo sư, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. C. Mác, Ph. Ăngghen. *Toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội, 1995; C. Mác, F.Ăngghen. V.I. Lênin. *Bản về các xã hội tiền tư bản*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995.

2. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 1 (in lần thứ hai). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 465. Người chưa được đọc bản nháp của C. Mác, nhưng đã nêu ra một tư tưởng đúng đắn khi cho thấy "Dù sao thì cũng không thể cấm bỏ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được. Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lí nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử Châu Âu. Mà Châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại... Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông". Có thể coi Hồ Chí Minh là người sớm phê phán chủ nghĩa trung tâm Châu Âu (eurocentrisme), mà giới khoa học mới nhìn nhận rõ rệt và có hệ thống vào nửa cuối thế kỉ XX. (S. Amin. *L'eurocentrisme. Critique d'une idéologie*, Paris, 1988).

3. C. Mác. Sđd, tr. 16.

4. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 1. Sđd, tr. 479.

5. Xem: Phạm Văn Đồng. *Văn hoá và đổi mới*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 75.

religare là ràng buộc, lại ràng buộc (ràng buộc các tín đồ với Chúa). Lúc ban đầu trong ngôn ngữ Pháp cổ (1080) *religion* chỉ có nghĩa là tu viện⁽⁶⁾. Y. Lambert nói rõ hơn là những hành vi của những tín đồ thể hiện đức tin, ở những nghi thức và thờ cúng hoặc của những người sống ở một tu viện⁽⁷⁾. Đến năm 1170, cũng theo cuốn tự điển trên, thuật ngữ *religion* nhằm chỉ toàn thể những hành vi có tính nghi thức, liên quan đến một quan niệm thiêng đối lập với tục và quyết định mối ràng buộc, một quan hệ của linh hồn con người với Chúa. Như vậy là *religion* nhằm chỉ riêng đạo Kitô, bởi lẽ cái gì khác đạo Kitô là tà giáo, là dị đoan. Đúng như Talleyrand, tôn giáo lúc đó là Nhà nước. Phải đến thế kỉ XVI, gắn liền với sự ra đời và phát triển đạo Tin Lành tách khỏi đạo Công giáo, trên diễn đàn khoa học và thần học, thuật ngữ *religion* mới dùng chỉ chung hai tôn giáo, thờ cùng Chúa nói trên. Với sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản ra ngoài Châu Âu, thuật ngữ *religion* mới được khẳng định là thuật ngữ chung nhằm chỉ các hình thức tôn giáo khác nhau trên toàn cầu. Đến thế kỉ XVIII, thuật ngữ tôn giáo dịch từ *religion* xuất hiện ở Nhật Bản, sau tới Trung Hoa, vào Việt Nam thế kỉ XIX để nhằm mục đích trên.

3. Cũng cần phải nói, ở Trung Hoa, theo tự điển *Từ Nguyên*, vào thế kỉ XIII, *tôn giáo* còn nhằm chỉ Phật giáo: "Phật giáo lấy lời thuyết giáo của Đức Phật gọi là giáo, lời của đệ tử Đức Phật gọi là tông. Tông là một nhánh của giáo hợp thành tông giáo"⁽⁸⁾. Ở Ấn Độ cũng như ở Trung Hoa, không có một thuật ngữ chỉ các hình thức tôn giáo nói chung. Thuật ngữ *sanatama dharma* có nghĩa là *hindouisme* (Ấn Độ giáo), một tôn giáo không có người sáng lập, là tổng hợp những chuẩn mực vĩnh cửu của sự tồn tại⁽⁹⁾. Bản thân thuật ngữ *hindou*, lại do quân xâm lược Hồi giáo dùng để chỉ những cư dân lưu vực sông Indus. Kể chinh phục Hồi giáo đương thời, cũng không coi các đền đài đồ sộ, các giáo lí uyên thâm của Ấn Độ giáo là "tôn giáo" như đạo của Thánh Allah. Đến thế kỉ XVIII, lại là người Anh dùng thuật ngữ *hindouisme* để chỉ toàn bộ những niềm tin và thực hành có tính tôn giáo của đại đa số quần chúng nhân dân Ấn Độ⁽¹⁰⁾.

Ở Việt Nam, thuật ngữ *đạo* gốc Hán cũng không hẳn tương đồng với thuật ngữ tôn giáo vì có thể mang tính phi tôn giáo. Đạo là con đường, là học thuyết, là nguyên lí sống, là quy phạm đạo đức, luân lí, nhiều khi mang tính triết

học nhuộm màu sắc tôn giáo, có khi chỉ mang tính trần tục. Nếu để chỉ một tôn giáo cụ thể thì phải thêm tên gọi của tôn giáo đó, ví dụ đạo Phật, đạo Nho, đạo Kitô, đạo Tổ tiên hoặc phải thêm thuật ngữ thờ, ví dụ đạo thờ thành hoàng, đạo thờ ông bà, đạo thờ Vua Hùng v.v... Khi Công giáo đến Việt Nam, *đạo* nhằm chỉ bộ phận theo Công giáo đối lập với lương⁽¹¹⁾. Để chỉ một tôn giáo, có khi ta thấy ghép một bổ ngữ (từ *giáo*) sau tên một tôn giáo như Kitô giáo, Nho giáo... Giáo chỉ có nghĩa là dạy bảo, lời dạy của thánh thần, của bố mẹ, của thầy giáo. Thuật ngữ thuần Việt *thờ*, được biểu hiện bằng chữ nôm là \equiv hay A , $\clubsuit E$ dư bộ phận chỉ âm R \clubsuit L L hay $\diamond \emptyset$ S L là bộ phận chỉ nghĩa. L L là S L sùng kính, S L là một việc làm. Thờ có ý là sùng kính (ở đây hàm cả ý nếu làm điều gì sai trái bị quở trách) một đáng siêu linh; đồng thời cũng có ý là ứng xử với bề trên một cách cung kính: thờ cha, thờ thầy, thờ một người có thật làm biểu tượng để noi theo. Thờ hay đi với cúng . Thờ cúng chỉ hành vi có tính tôn giáo. Thờ hay thờ cúng cũng không thể tương đương với thuật ngữ tôn giáo nhằm chỉ các tôn giáo cụ thể.

Xem thế thuật ngữ tôn giáo chỉ chung các hình thức tôn giáo kim cổ, đông tây khác nhau, chỉ xuất hiện khi nào có chí ít hai tôn giáo được giới học thuật hay quần chúng nhận thức ngang nhau hay chí ít thua kém không nhiều, mà không dung hoà được với nhau. Nó không thể xuất hiện khi Nhà nước đồng nhất với tôn

6. Tự điển Petit Robert 1. Paris, 1967.

7. Y. Lambert. *La définition de la religion et l'identité religieuse*; trong: *Religiosité, religions et identités religieuses* do P. Miltion chủ biên ở Tạp chí *Recherches sur la Philosophie et le Langage*, No. 19, 1998, tr. 283-305.

8. *Từ nguyên*. Quyển 2. Thương vụ ấn thư quán Bắc Kinh, 1980, tr. 812. Tông giáo đối là tôn giáo vì kiêng húy tên vua Thiệu Trị. *Tông* đổi thành *tôn*.

9. L. Kapini. *L'hindouisme* trong *Le fait religieux* do J. Delumeau chủ biên. Nxb Fayard; Paris, 1993, tr. 376.

10. Y. Lambert. *Định nghĩa tôn giáo* (bản thảo cuốn sách chưa in) 1999 (được phép tác giả).

11. *Lương* nghĩa là lương thiện nhằm chỉ bộ phận theo "đạo nhà" như Nguyễn Đình Chiểu đã viết, ngược với bộ phận *giáo* theo Công giáo. Ở các sách xuất bản của Viện Nghiên cứu Tôn giáo *lương* được thay bằng bộ phận không Công giáo, hay Kitô giáo, bao hàm cả những người theo đạo Phật, đạo Tổ tiên.

giáo hay khi những nguyên lí và hành động tôn giáo đó hoà quyện vào tập tục và các ứng xử của một cộng đồng. Thuật ngữ đó tất nhiên xuất phát từ nội dung khái niệm của đạo Kitô. Đó là một thực tế trong quá trình nghiên cứu tôn giáo nói chung hay một hình thức tôn giáo cụ thể, vì việc nghiên cứu tôn giáo theo phương pháp khoa học bắt đầu từ Châu Âu. Nên ta cũng không lạ gần đây nhiều nhà nghiên cứu phương Tây cố gắng thoát ra khỏi quan niệm đó khi tiếp cận với các hình thức tôn giáo khác trên thế giới, nhưng cũng vẫn bị ràng buộc vào định nghĩa “ràng buộc” đó. Người ta chỉ thay thế thuật ngữ Chúa, Đấng Sáng Thế bằng các thuật ngữ khác : cái thiêng liêng (le sacré), cái sức mạnh tuyệt đối của thần hộ mệnh (le numineux), cái thực thể tối thượng (ultimate reality), cái chân lí tuyệt đối (absolute truth) v.v...⁽¹²⁾, tất nhiên được hiểu rộng rãi hơn.

Rất ít nhà nghiên cứu phương Tây hiểu được rạch ròi các tôn giáo vùng Viễn Đông, trong đó có Việt Nam. Nên ta không lạ gì nhiều tác giả phương Tây gần đây vẫn gán cho tôn giáo Việt Nam là Phật, là tôn giáo Trung Hoa (!), là Vật Linh giáo (!)...⁽¹³⁾, là tôn giáo “hạ cấp” vì chưa vươn tới một tôn giáo độc thần. Chỉ có L. Cadière nhìn được ra điều này khi ông viết từ năm 1913: “Các dân tộc Viễn Đông, đặc biệt là người Việt Nam, là người mang đậm tâm thức tôn giáo. Thuật ngữ tôn giáo bao hàm nhiều mức độ, nhiều sắc thái...”. Nếu hiểu như đạo Kitô, ông viết tiếp, “thì ta phải nói người Việt Nam không có tôn giáo. Khái niệm Đấng Tối Cao tuột khỏi họ; họ sống không có Chúa. Nhưng nếu ta quan niệm tôn giáo là niềm tin và thực hành ảnh hưởng đến cách ứng xử theo lẽ phải của cuộc đời, đến một thế giới siêu nhiên; thì ta thấy người Việt Nam có cái đức tính đó ở mức độ cao”⁽¹⁴⁾.

Nên người Việt Nam có tâm thức tôn giáo phiếm thần/đa thần, khác với người Châu Âu có tâm thức tôn giáo độc thần. Đó cũng là đặc tính của người Nhật Bản, người Trung Hoa, những cư dân trồng trọt ở vùng gió mùa nhiệt đới ẩm, vắng bóng nghề chăn nuôi đại gia súc theo đàn. Trong bài *Bản về tôn giáo*⁽¹⁵⁾, tác giả đã phân tích kĩ, nhân đây chỉ xin nhấn mạnh ở Việt Nam, những cư dân theo một tôn giáo độc

thần, tâm thức tôn giáo của họ vẫn là phiếm thần/đa thần. Việc gần đây đạo Công giáo cho phép các tín đồ của mình theo đạo Tổ tiên và đại đa số người Công giáo Việt Nam tuân thủ dưới nhiều dạng khác nhau là một thí dụ. Đó là không kể một số còn thờ thần làng, thờ những người có công như Nguyễn Công Trứ, người khai phá vùng Kim Sơn, Tiền Hải, một số ít cũng bói toán, cầu hồn, đi các phủ, đền, chùa...

4. Tôn giáo thuộc phạm trù ý thức hệ, nhưng rất đặc biệt, bởi lẽ nó dường như tồn tại xuyên qua thời gian và không gian, không hẳn gắn liền với một phương thức sản xuất nhất định, mặc dù luôn được tầng lớp thống trị lợi dụng để củng cố chế độ. Tôn giáo vốn là một yếu tố xã hội, văn hoá mang tính cộng đồng, được cả một cộng đồng tuân theo.

Tôn giáo có mặt từ thuở ấu thơ của xã hội loài người, khoảng chừng gần 100.000 năm với sự ra đời của các thị tộc, bộ lạc. Nó biến đổi, thích nghi, thay đổi hình thức cùng với thời gian và hiện nay vẫn hiện diện với nhân loại, với tuyệt đại đa số người tin theo⁽¹⁶⁾. Ph. Ăngghen viết: “Tôn giáo sinh ra từ thời đại hết sức nguyên thủy... Do đó, những khái niệm tôn giáo ban đầu ấy thường là chung cho một tập đoàn cư dân, cùng dòng máu, sau lại phân

12. Y. Lambert. Sdd. 1998. Chú ý le numineux xuất phát từ danh từ *numen*, *numina*, một trong những khái niệm cơ bản của tôn giáo cổ La Mã nhằm chỉ sức mạnh của một vị thần linh mà con người khai thác được nhờ những nghi lễ và nhờ cơ may được thần hộ mệnh.

13. J. Obrien. M. Palmer. *Atlas des religions du monde*. Paris, 1994; *Le grand Atlas des Religions*. Paris, 1993; P. Blanquart trong *L'Etat des religions dans de monde* do M. Clevenot chủ biên theo nguồn *World Christian Encyclopedia* v.v... Paris, 1987.

14. L. Cadière. *Croyances et pratiques religieuses chez les Vietnamiens*. Tập III, 1957, E.F.E.O., tr. 225.

15. Xem: Đặng Nghiêm Vạn. *Bản về tôn giáo*; trong cuốn: *Những vấn đề lí luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, 1998, tr. 9-63

16. Theo thống kê trong năm 1986 thì người tự tuyên bố là vô thần hay bất khả tri chiếm khoảng 1/6 dân số (theo *International Bulletin of Missionary Research*). Trong số 1/6 đó, người tuyên bố vô thần chỉ chiếm 1/5.

chia ra, phát triển lên một cách riêng biệt ở mỗi dân tộc..."⁽¹⁷⁾.

Nếu nhìn xuyên suốt lịch sử của loài người từ khi tổ chức thành xã hội, ta có thể thấy có 5 thời kì xuất hiện, không đồng đều ở các khu vực khác nhau, các hình thức tôn giáo với những dạng, những sắc thái khác nhau, đáp ứng những đòi hỏi của sự phát triển của nhân loại.

1) Sự ra đời của xã hội thị tộc kéo theo sự ra đời của các tôn giáo phản ánh những mối quan hệ sơ giản của các thành viên cộng đồng ban đầu: totem giáo với các dạng ma thuật và tang lễ⁽¹⁸⁾.

2) Sự ra đời của nền sản xuất nông nghiệp kéo theo sự ra đời của các cộng đồng xã hội chính trị (cộng đồng lãnh thổ), bên cạnh các cộng đồng huyết thống, từ đấy nảy sinh ra các tôn giáo dân tộc, đạo thờ Tổ tiên (theo dòng máu), các hình thức lễ nông nghiệp...

3) Sự ra đời các đế chế thúc đẩy nhiều quốc gia, dân tộc, nhiều tộc người (*ethnie*) kéo theo sự ra đời của các tôn giáo mang tính khu vực hay có khuynh hướng toàn cầu.

4) Sự ra đời và phát triển của xã hội công nghiệp kéo theo ý thức về tự do tôn giáo, về tính đa dạng bình đẳng tôn giáo trong một dân tộc, một cộng đồng xã hội, dẫn đến sự chấm dứt tính độc tôn của một tôn giáo trong một quốc gia.

5) Hiện tượng toàn cầu hoá trở thành hiện thực với xã hội hiện đại kéo theo sự xuất hiện những hiện tượng phân rẽ các tôn giáo chủ lưu, xuất hiện các hiện tượng tôn giáo "bồng bềnh" với một nhận thức tôn giáo sẽ diễn ra dưới một dạng khác với sự hiểu biết của chúng ta hay là thời đại loài người ra khỏi những tôn giáo (có tổ chức), để trở lại "cái tôn giáo" (*religieux*) như đầu đề một cuốn sách⁽¹⁹⁾.

Bộ mặt tôn giáo rất khác nhau từng nơi, từng vùng, từng đất nước.

Những tôn giáo dù sản sinh từ thời kì sơ khai hay trong xã hội có giai cấp, thậm chí đương định hình trước mắt ta, đều gắn với nhu cầu tinh thần của đời sống con người vì lẽ con người sáng tạo ra tôn giáo. Một số không nhỏ

do không thích nghi bị diệt vong, một số vẫn tự tồn tại trong sự biến đổi do tính năng động của bản thân và hợp với nhu cầu của quần chúng nhân dân.

Mỗi hình thức tôn giáo có cuộc sống của nó. Có những yếu tố tôn giáo không bao giờ trở thành một tôn giáo. Có tôn giáo qua quá trình lịch sử thay hình đổi dạng, hoặc đứng vững ở một số nơi, tự phát triển, hoặc trở thành một yếu tố của một tôn giáo sinh sau đẻ muộn, hoặc cùng hợp với các tôn giáo khác theo xu thế hoà nhi bất đồng. Số tôn giáo đã bị diệt vong nhiều hơn số đương còn tồn tại.

Một vài ví dụ ở nước ta: Đạo Vật Tổ (*totemisme*) len lỏi trở thành một yếu tố của các hình thức tôn giáo khác, hoặc thay đổi thành biểu tượng của tôn giáo dân tộc hay của vị đứng đầu một tôn giáo, cho dù chỉ được hiểu một cách dân dã, hoặc đứng vững với những biến đổi cho đến ngày nay ở một số cư dân, ví như ở người Khơ Mú, người Giẻ - Triêng... Các hình thức ma thuật sơ khai vẫn có chỗ đứng hiện nay: chài, bùa, yểm, thư, ma lai... hoặc len lỏi vào Đạo giáo, thậm chí khoác cho mình chiếc vỏ khoa học để thích nghi dưới những hình thức ma thuật hiện đại⁽²⁰⁾ (người có phép lạ, thấu thị, ngoại cảm, gọi hồn theo lối phương Tây). Các đạo Bà La Môn, Nho, Phật, Kitô, Hồi, Đạo giáo, đạo thờ những người đã khuất... vẫn tồn tại và còn tồn tại lâu dài với những biến đổi qua thời gian, không gian. Nên có tác giả cho rằng có thể nói có một đạo Phật, một Đạo giáo..., nhưng cũng có thể nói có nhiều đạo Phật, nhiều Đạo giáo... Có tôn giáo vẫn là tôn giáo chủ đạo ở một số dân tộc, mặc dù đã tiếp xúc với các tôn giáo có tổ chức chặt chẽ hơn

17. C.Mác. Ph.Ăngghen. *Toàn tập*. Tập 16. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 443.

18. Xem: X.A. Tôcarev. *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.

19. A.Malraux viết: "Vấn đề then chốt của cuối thế kỉ này sẽ là vấn đề tôn giáo được diễn ra dưới một dạng khác với sự hiểu biết của chúng ta; cũng như đạo Kitô đã làm với những tôn giáo cổ đại. Nhưng nó sẽ không còn là vấn đề Đấng tối cao" (trích trong cuốn: *Sortie des religions, retour du religieux*. Paris, 1993, tr. 15).

20. Ma thuật khác tôn giáo ở chỗ tin rằng ở một con người có một sức mạnh huyền bí, siêu nhiên có tác động xấu tốt đến người khác, thậm chí đến cả một cộng đồng người. Những hiện tượng có tính nửa huyền bí, nửa khoa học hiện nay cũng có thể coi như một hiện tượng ma thuật hiện đại.

như đạo Tổ tiên ở Châu Phi đen, ở Châu Mỹ Latinh, ở Viễn Đông, với những hình thức tổ chức đơn giản. Có tôn giáo bị mờ nhạt ở nơi phát sinh, nhưng lại được cư dân nơi khác tiếp nhận, chủ yếu bằng con đường hoà bình. Đó là trường hợp đạo Phật. Có tôn giáo có khả năng bành trướng ra toàn cầu như đạo Kitô, đạo Hồi, đạo Phật. Có tôn giáo lại chỉ có thể trải ảnh hưởng của mình ra một khu vực: Đạo giáo, Nho giáo...

Bước vào giai đoạn toàn cầu hoá hiện nay, các tôn giáo tiếp xúc cạnh tranh hay dung hoà với nhau, nảy sinh ra những tôn giáo với nội dung đan cài, xen ghép như trường hợp đạo Cao Đài, đạo Hoà Hảo, đạo B'haie, hay các "phái" (*secte*) mọc lên nhan nhản như nấm mùa thu.

5. Trong một cộng đồng tôn giáo, các thành phần giai cấp, các tầng lớp xã hội, các ngành nghề, các lứa tuổi, giới tính, thậm chí các thành phần dân tộc, tộc người khác ngôn ngữ, khác văn hoá đều tham gia. Tôn giáo mang tính cộng đồng, nhưng mỗi cá nhân, mỗi nhóm, tuy cùng thờ một đối tượng, đọc chung một cuốn kinh, theo cùng một nghi thức, một thiết chế tôn giáo nhất định; nhưng lại hiểu tôn giáo một cách khác nhau, tùy thuộc vào địa vị xã hội, trình độ dân trí, biểu hiện văn hoá. Nhưng điều khác nhau rõ nét nhất suy đến cùng là do khác cộng đồng dân tộc (hay tộc người trong dân tộc). Nên *hệ thống tôn giáo dân tộc (hay truyền thống) vẫn là tôn giáo mang tâm thức sâu nặng đối với cộng đồng dân tộc*. Bất kì tôn giáo ngoại sinh nào muốn tồn tại ở bất kì cộng đồng dân tộc nào, tùy theo bề dày văn hoá dân tộc mà mình du nhập, đều phải chịu một sự tiếp biến ở những mức độ khác nhau hoặc trở thành một giáo phái⁽²¹⁾, hoặc biến dạng theo xu thế dung hợp với các tôn giáo địa phương. Trường hợp đạo Phật với đạo Shintô trước thời Minh Trị ở Nhật Bản, đạo Phật và đạo Ông Bà ở miền Nam Việt Nam hay hiện tượng hoà trộn giữa ba tôn giáo Nho, Đạo, Phật cùng các tôn giáo địa phương ở Trung Hoa, Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản là những ví dụ. Trường hợp đạo Bà La Môn, đạo Hồi du nhập và tồn tại ở xã hội mẫu hệ của vương quốc Champa xưa và người Chăm hiện nay;

cũng như người Công giáo Việt Nam vui thích khi được phép kính thờ cúng Tổ tiên.

Thế giới chứng kiến sự khác nhau của đạo Kitô cũng như của đạo Hồi ở các châu lục khi xâm nhập vào các dân tộc.

Cho nên, ta phải nhận thấy một sự thực: *hình thức tôn giáo dân tộc, cho dù dưới dạng nào, cũng là thân thiết nhất với một con người. Khi một dân tộc còn tồn tại và có vai trò của nó với lịch sử thì hình thức tôn giáo dân tộc vẫn cứ tồn tại*. Như Hồ Chí Minh đã nói ở Việt Nam, "Việc cúng bái tổ tiên hoàn toàn là một hiện tượng xã hội.... Những người già trong gia đình hay các già bản là người thực hiện những nghi lễ tưởng niệm"⁽²²⁾. Đạo thờ cúng Tổ tiên mà ở đây được hiểu không hạn hẹp theo huyết thống đã thấm sâu vào các phong tục tập quán, chu kì sống của một con người, của cộng đồng, từ Nhà đến Làng và Nước. Ph. Ăngghen cũng như các học giả trước và sau ông, khi thảo luận về vấn đề tôn giáo đều đánh giá cao vai trò tôn giáo dân tộc. Ông viết: "Các thần được tạo ra như thế ở từng dân tộc riêng biệt là thần dân tộc và quyền hành của những thần đó không vượt ra ngoài ranh giới của khu vực dân tộc mà thần che chở... Tất cả những thần đó chỉ sống trong biểu tượng con người khi dân tộc tạo ra nó tồn tại và nó cũng mất đi với sự diệt vong của dân tộc ấy"⁽²³⁾.

Dưới góc độ văn hoá, trước xu thế toàn cầu hoá, trong công cuộc bảo vệ và phát triển văn hoá dân tộc, mà tôn giáo là một bộ phận, con người có xu thế trở lại với tôn giáo dân tộc cũng là điều dễ hiểu. Ở nước ta, một nước đa tôn giáo và phiếm thần, có xu thế hướng về hệ thống tôn giáo dân tộc: đạo thờ Trời Đất, thờ Vua Hùng, thờ người có công dựng nước và giữ nước, có công với làng, với ngành nghề, với dòng họ, với gia đình là điều tất yếu. Hồ Chí Minh cũng đã nhận ra khi người đề cao công

21. X. A. Tôcarev đưa ra nhiều ví dụ về các hiện tượng, các giáo hội của đạo Kitô như ở Armenia, Bungaria hay các giáo phái Vachabit của đạo Hồi ở Ả-rập Xêudich có thể coi như tôn giáo dân tộc; hoặc phổ biến ranh giới tôn giáo trùng lặp với biên giới dân tộc, ví dụ người Khôrovat theo đạo Kitô; người Xecbi, đạo Chính thống; người Armenia, đạo Công giáo; người Iran, phái Sít, người Thổ Nhĩ Kỳ và Afganistan thuộc phái Sunnit v.v... Sđd, tr. 21.

22. Hồ Chí Minh. Toàn tập. Tập 1. Sđd, tr. 479.

23. C. Mác.Ph.Ăngghen. Sđd, tr. 445.

đức Vua Hùng⁽²⁴⁾ cũng như đạo thờ Tổ tiên theo nghĩa rộng, bao gồm cả cộng đồng dòng máu và cộng đồng lãnh thổ. Phạm Văn Đồng viết rõ hơn: "...Còn nói tôn giáo là thờ cúng thì mọi người đều thờ cúng ông bà, mọi họ đều thờ cúng tổ tiên, làng thì thờ thành hoàng và các bậc anh hùng cứu nước, các tổ phụ ngành nghề, các danh nhân văn hoá. Từ góc độ văn hóa, tôi thấy đây là một đặc trưng đáng trọng của con người Việt Nam, ở chỗ nó tưởng nhớ những người có công trong việc tạo lập cuộc sống ngày nay trong mọi gia đình và làng xóm"⁽²⁵⁾. Dường như, ngay trong tình hình hiện nay, ở nước ta hệ thống tôn giáo dân tộc cũng thấm sâu vào các tôn giáo khác và là cứu cánh các tôn giáo để sinh tồn, nếu không muốn là vật lạ⁽²⁶⁾.

6. Ở đây có một vấn đề, nếu đã chấp nhận tôn giáo ra đời từ thời ấu thơ của xã hội loài người, hầu hết các nhà khoa học về tôn giáo đều thống nhất đức tin hay niềm tin hay tín ngưỡng là hạt nhân của một tôn giáo, là yếu tố để gắn kết cộng đồng tôn giáo. Yếu tố cấu thành bản chất của một tôn giáo chỉ là nội dung và hành vi dẫn đến đức tin hay niềm tin tôn giáo. Nếu cần có sự phân biệt là phân biệt giữa tôn giáo và ma thuật hay với những hiện tượng có tính tôn giáo riêng lẻ không đủ điều kiện cấu thành một tôn giáo: điếm, tục sản ông, tục cầu tự... Hiện nay, không thể chấp nhận những hiện tượng "tôn giáo" mang tính phần văn hoá, cũng như những hiện tượng "giả tôn giáo" như đạo Vàng Chử (nghĩa đen là đạo vua ra) truyền bá ở người Hmông⁽²⁷⁾.

Tổ chức tôn giáo đóng vai trò rất quan trọng nhưng cũng chỉ là phương tiện để duy trì, phát triển một cộng đồng tôn giáo, cho dù mang tính thị tộc, bộ lạc, dân tộc hay thế giới. Bất cứ một tôn giáo nào cũng có tổ chức. Tổ chức đó tùy theo tôn giáo, hoặc đơn giản hay phức tạp, hoặc chặt chẽ hay lỏng lẻo, hoặc theo giáo phái, theo sơn môn hay lỏng lẻo, hoặc theo giáo chức chính quyền... Đối xử bình đẳng với các tôn giáo là một nguyên tắc cần được coi trọng. Tiêu chuẩn để đánh giá một cộng đồng tôn giáo, dù độc thần hay phiếm thần, dù biểu hiện dưới dạng tổ chức nào, nếu có, là lòng yêu Tổ quốc, vì *Tổ quốc là cộng đồng bao trùm lên tất*

cả các cộng đồng khác, trong đó có cộng đồng tôn giáo. Tổ quốc là nơi sinh ra ta và ta gắn bó suốt đời với nó. Vậy nên khẩu hiệu "Đẹp đời, tốt đạo", "Đạo pháp, dân tộc, chủ nghĩa xã hội" hay "Sống phúc âm trong lòng dân tộc" là đúng đắn. Việc khuyến khích các tôn giáo hướng về dân tộc là điều bất cứ quốc gia nào cũng thực hiện. Ở nước ta, điều đó lại cần thiết hơn, do hậu quả lịch sử để lại và do âm mưu của kẻ thù còn đương muốn gấn vấn đề nhân quyền và tự do tôn giáo theo lối suy luận của chúng để chống lại dân tộc.

Vấn đề chú ý là cần phát huy sự tôn trọng lẫn nhau giữa các tôn giáo, xu thế hòa nhi bất đồng đã trở thành truyền thống trong hoạt động tôn giáo của con người Việt Nam. Truyền thống đó đã tránh cho đất nước trong thời phong kiến không phải trải qua những cuộc chiến tranh tôn giáo như ở Châu Âu, đã ăn sâu vào người dân một ý thức coi các vị thần tôn giáo khác như của chính mình, vì các vị đều hướng thiện; đưa các vị thần tôn giáo khác vào điện thần của mình, cũng như dễ dàng tham gia các hành vi của các tôn giáo khác nhau, cho dù vẫn nhận là tín đồ một tôn giáo chính. Chính sách tôn giáo của Đảng đang được hoàn chỉnh dần để tiếp nối lại truyền thống đã bị hẫng hụt trong một vài thế

24. Nhà nước đã công nhận những năm thứ năm, thứ mười một thập kỉ của ngày giỗ tổ Hùng Vương là ngày quốc lễ.

25. Phạm Văn Đồng. Sđd., tr. 75.

26. Cũng cần lưu ý trong xã hội miền Viễn Đông, khái niệm ngưỡng mộ, tưởng niệm rất khó tách và dường như trùng lặp với thờ cúng. Tưởng niệm, ngưỡng mộ có thể chỉ dừng ở tâm thức phi tôn giáo, nhưng kèm theo việc cầu xin, nó đã mang tính tôn giáo. Do đó, ở Việt Nam, con người thiên về thờ các nhiên thần, nhân thần và có truyền thống thần thánh hoá những người có công nếu người đó trong cuộc đời có những hành vi được huyền thoại hoá. Vậy nên, ta rất khó phân biệt việc thờ Nguyễn Trung Trực, Nguyễn An Ninh, Võ Thị Sáu v.v... và gần đây là 10 chi liệt sĩ ở ngã ba Đồng Lộc, chị Nguyễn Thị Định (nhân ngày giỗ đầu, người dân đưa chị vào đền thờ Hai Bà Trưng ở tỉnh Vĩnh Phúc), với phong trào đưa các liệt sĩ nơi khác hy sinh tại quê hương vào thờ ở các đình làng v.v... là hành vi thờ cúng (tôn giáo) hay tưởng niệm (phi tôn giáo).

27. Vàng Chử lấy trong cụm từ *Miao wang chu shi* tức Miêu vương xuất thế. Wang Chu là vương xuất tức vua ra, một phong trào mang tính mê tín tin rằng vua ra, cuộc đời thay đổi, nên ngồi chờ, giết gia súc, không sản xuất. Phong trào này có từ rất lâu ở người Hmông. Xem: Siu Woo Cheng. *Thuyết Thiên niên kỷ, những phong trào Thiên Chúa giáo và sự thay đổi tộc người ở người Miêu tại Tây Nam Trung Quốc*. Trong cuốn: *Những xung đột văn hoá ở các biên giới tộc người ở Trung Quốc*. (Stevan Harrell). Nxb Trường Washington - Seattle và London (bản Anh văn).

kỉ nay, đặc biệt là nửa thế kỉ gần đây ở vùng tạm chiếm trong hai cuộc kháng chiến vừa qua. Đó là truyền thống đoàn kết, tôn trọng các tôn giáo trên cơ sở cùng nhau xây dựng một xã hội “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”.

Cũng không nên quan niệm chỉ có những tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân mới là tôn giáo. Nhà nước định ra như trên là nhằm đặt trách nhiệm thực hiện tốt chính sách tín ngưỡng tôn giáo. Ở Trung Quốc có rất nhiều tôn giáo, số lượng có đến gần trăm, nhưng Nhà nước chỉ quản lí có 5 tôn giáo. Chính sách tôn giáo đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra chỉ một ngày sau khi đọc bản Tuyên ngôn Độc lập (03-09-1945). Tinh thần của chính sách đó được thực hiện một cách nhất quán và phù hợp với tình hình biến đổi. Năm 1990 Bộ Chính trị đã ra *Nghị quyết số 24* và gần đây (ngày 02 tháng 07 năm 1998) ra *Chỉ thị về công tác tôn giáo trong tình hình mới* nhằm đáp ứng với tình hình *đối mới* của đất nước. Chính phủ lại cũng vừa ban bố *Nghị định 26/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 04 năm 1999 về hoạt động tôn giáo*.

7. Muốn vậy, cần thống nhất đối tượng của tôn giáo theo nghĩa đúng đắn của nó, có thể phù hợp với cả đồng tây, cổ kim, theo tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Phải chăng, trên những nét chung nhất, *đối tượng của tôn giáo là thế giới siêu nhiên, vô hình mang tính thiêng, được con người chấp nhận một cách trực giác và tác động qua lại một cách hư ảo giữa con người và thế giới đó, nhằm giải lí những vấn đề trên trần thế trong quan hệ xã hội và quan hệ giữa con người và tự nhiên, cũng như những vấn đề ở thế giới bên kia, trong những hoàn cảnh lịch sử, địa lí khác nhau, của từng cộng đồng tôn giáo, xã hội khác nhau*.

Cũng như các yếu tố văn hoá khác, tôn giáo có những mặt tích cực và tiêu cực. Vấn đề là cần khai thác những đóng góp tích cực, hạn chế những tiêu cực, lỗi thời của nó. Tôn giáo sinh ra từ một nhu cầu rất thực tế của con người ở bất cứ thời đại nào, vì bản thân con người luôn muốn vươn ra tìm hiểu một cái gì đó vượt ra ngoài thế giới trần tục. Đó là một tất yếu và là một trong những điều minh chứng

con người đã tách mình ra khỏi và hơn hẳn các sinh vật khác. R. Garaudy nói một câu chí lí: “Con người khác con vật là biết chôn đồng loại”. Đúng là khoa học cũng tấn công vào thế giới vô hình, đem lại cho nhân loại những hiểu biết mới, nhưng đồng thời lại làm cho con người thấy còn bao điều chưa biết. Biển học vô bờ. Một thiên tài như A.Einstein tìm thấy ở tôn giáo một khích lệ, hi sinh vì khoa học. Ông nói: “Cảm giác tôn giáo của nhà khoa học mang hình thức của sự ngạc nhiên khoái cảm trước sự hài hoà của quy luật tự nhiên, là bộc lộ một trí tuệ có tầm cao đến nỗi so với nó thì toàn bộ những tư tưởng sáng tạo và hành động của con người chỉ là phản ánh hết sức vô nghĩa. Cảm giác này là nét chủ đạo dẫn dắt cuộc đời và sự nghiệp của họ, tạo cho họ lòng dũng cảm để họ thành công trong việc thoát khỏi xiềng xích của lòng ham muốn ích kỉ. Hiếm nhiên tình cảm đó gắn gũi với tình cảm của những nhà sáng lập tôn giáo, nó toả sáng tràn ngập tất cả các thời đại”⁽²⁸⁾.

Đúng vậy, nếu khoa học chỉ tiếp cận được chân lí, chấp nhận một chân lí tương đối, thì tôn giáo đã đưa con người đến một kì vọng lí giải được một chân lí tuyệt đối, dù rằng đây ảo tưởng. Vì muốn bảo vệ con người trước tự nhiên và trong xã hội, tôn giáo muốn có tác dụng an ủi, xoa dịu những nỗi khổ đau của nhân loại và từng con người trong một xã hội còn nhiều đau khổ, bất công, muốn tỎa “*hương thơm*” (thuật ngữ của C. Mác) vào cho từng người, từng số phận khác nhau, dọi một tia hi vọng cho dù le lói để sống và sống “*thanh thản*” trong bể khổ trần gian.

Tôn giáo khích lệ con người làm những điều thiện, trừ điều ác, tham gia vào việc làm cân bằng tâm trạng con người. Điều đó được thấm sâu trong tư tưởng của Hồ Chí Minh khi thấy tôn giáo nào bản chất cũng hướng thiện, Người cũng muốn phát huy cái thiện theo lối suy nghĩ của mình nhằm phục vụ cho nhân loại. Đó cũng là lời phát biểu của nhà thần học B. Boehmoeffer: “Tôi thích nói đến Chúa không ở những hạn chế của nó, mà ở điều cốt lõi,

²⁸. A. Einstein. *Comment je vois la monde*. Champs-Flammariion. Paris, 1979, tr. 20.

không ở tính yếu đuối, mà ở sức mạnh của nó, không ở cái chết và tội lỗi, mà ở cuộc sống và sự tốt đẹp của con người"⁽²⁹⁾.

Điều đó phù hợp với xu thế thế tục hoá hiện nay trong tôn giáo, muốn thiên về nhập thế, hợp tác cùng nhau và cùng Nhà nước làm các công việc xã hội - từ thiện như: cứu giúp những trẻ mồ côi, người cô đơn, nghèo khổ, tàn tật; cứu giúp khi bị thiên tai, bệnh nạn; chống lại những tệ nạn xã hội: trộm cướp, mại dâm, xì ke, ma tuý; xây dựng trường học, cơ sở y tế: trại cùi, bệnh viện tâm thần v.v..., thậm chí tham gia vào công cuộc giải phóng dân tộc, chống những bất công xã hội, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình, chống những hành vi lợi dụng tôn giáo.

Đó cũng là điều phù hợp với xu hướng dân tộc hoá để bảo vệ bản sắc dân tộc một cách chính đáng, không rơi vào chủ nghĩa dân tộc cực đoan, tức là chống lại xu thế của những siêu cường đương muốn thực hiện "sự đồng hoá dân tộc được tiếp nối sự diệt chủng"⁽³⁰⁾. Bảo vệ và khích lệ các tôn giáo hoà nhập vào dân tộc, phục vụ lợi ích của dân tộc trên cơ sở chủ nghĩa yêu nước chân chính là điều cần thiết. Đó cũng là khuyến khích các tôn giáo tồn tại trong một cộng đồng quốc gia tìm được tiếng nói chung, cho dù giáo lí có khác nhau, là đặt tôn giáo phục vụ lợi ích của dân tộc, mà vẫn tuân thủ được niềm tin tôn giáo của bản thân. Đó cũng là ngăn chặn những hành động tôn giáo cực đoan cũng như ý tưởng muốn áp đặt một tôn giáo có tính toàn cầu cho toàn nhân loại.

Tôi muốn kết thúc bài viết này bằng việc nhắc lại câu nói đã trở nên quen thuộc của Hồ Chí Minh - một người theo chủ nghĩa Mác-Lênin chân chính: "Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó, chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta.

Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ hợp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mĩ như những người bạn thân thiết.

Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy"⁽³¹⁾.

Đó chính vì, như những người sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin cũng đã thấy, nội dung chủ nghĩa của mình là kế thừa những tinh hoa của lịch sử, được phát triển và phục vụ cho cuộc đấu tranh nhằm xây dựng xã hội mới, thích hợp với sự tiến triển tất yếu của nhân loại. Đoạn văn trên của Hồ Chí Minh có thể ví với định nghĩa nổi tiếng của V. I. Lênin năm 1918: Chủ nghĩa xã hội là chính quyền Xô Viết + trật tự đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách tổ chức các tư-rót của Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ v.v... và v.v... + + = Σ ⁽³²⁾.

Đối với các tôn giáo hiện nay, bên cạnh việc cảnh giác đấu tranh với những thế lực lợi dụng tôn giáo vào những hành vi chống lại Nhà nước, phản văn hoá, và muốn cho cuộc đấu tranh đó thu được thắng lợi, cần phải khai thác những yếu tố tích cực trong các tôn giáo, tôn trọng tính đa dạng của các tôn giáo để đoàn kết tin đồ các tôn giáo khác nhau, thực hiện khẩu hiệu "Đoàn kết, Đoàn kết, Đại Đoàn kết" của Hồ Chí Minh nhằm xây dựng đất nước trong bối cảnh lịch sử thế giới đầy sôi động hiện nay./.

29. D. Boenhoffer. *Résistance et soumission* (Lettres de prison). Genève, 1923, tr. 122-123.

30. J. M. Azias. *L'Anthropologie contemporaine*. PUF. Paris, 1976, tr. 136.

31. Trần Dân Tiên. *Những mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh*. Bản Trung văn của Trương Niệm Thức. Nxb Tam Liên, Thượng Hải, 1949.

32. V. I. Lênin. *Toàn tập*. Tập 36. Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1978, tr.684.